

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 30/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2013 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc sửa đổi, bổ sung Điều 18 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 30/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Sóc Trăng và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VP Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, TN&MT, Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ, các Đoàn thể tỉnh;
- TAND, VKSND tỉnh;
- Báo ST, Đài PTTH tỉnh ST;
- Phòng TN&MT các huyện, TX, TP;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: HC, KT, TH, XD, VX, NC. *huy*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vi Tô hành Tôri



QUY ĐỊNH

**Một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi
Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 34 /2014/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Sóc Trăng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết các Điều 90 và 91 Luật Đất đai; một số Khoản tại các Điều 3, 6, 7, 9, 10, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25 và 27 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Người có đất, tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai thì được hưởng chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Quy định này và các quy định khác của Nhà nước.

3. Các trường hợp Nhà nước thu hồi đất không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này thì không áp dụng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Chương II QUY ĐỊNH VỀ BỒI THƯỜNG, TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 3. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất (quy định chi tiết Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP).

1. Chi phí đầu tư vào đất còn lại quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP là các chi phí mà người sử dụng đất đã đầu tư vào đất phù hợp với mục đích sử dụng đất đến thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất còn chưa thu hồi hết.

2. Các khoản chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP mà có đầy đủ hồ sơ, chứng từ chứng minh và không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì được bồi thường theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Việc xác định chi phí đầu tư còn lại được thực hiện theo các Khoản 1, 2 và 4 Điều 3 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp đơn vị liên quan và chủ đầu tư xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại, thông qua cơ quan chuyên ngành cấp tỉnh thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 4. Bồi thường về đất và chính sách tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ở đối với trường hợp trong hộ có nhiều thế hệ, cặp vợ chồng chung sống (quy định chi tiết Khoản 2 và Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP).

1. Hộ gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng sinh sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 01 thửa đất ở thu hồi thì từng hộ gia đình đủ điều kiện tách hộ được hưởng các chính sách bồi thường (nếu đủ điều kiện bồi thường), tái định cư như các hộ thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất tái định cư theo hình thức có thu tiền sử dụng đất; giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở, giá đất ở tính tiền sử dụng đất áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 5. Bồi thường đất, chi phí đầu tư vào đất đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân (quy định chi tiết Khoản 3 và Khoản 5 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP).

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với cách

mạng, khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường về đất, được hưởng các chính sách bồi thường, hỗ trợ khác như hộ gia đình, cá nhân có đất phi nông nghiệp không phải là đất ở khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà có nguồn gốc do lấn, chiếm, khi Nhà nước thu hồi đất nếu không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất hoặc bán nhà ở tái định cư. Giá đất tính thu tiền sử dụng đất, giá bán nhà ở tái định cư áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 6. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất (quy định chi tiết Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP).

1. Đối với nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất (không thuộc nhà, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 89 Luật Đất đai) khi Nhà nước thu hồi đất được bồi thường theo quy định sau:

a) Mức bồi thường bằng tổng giá trị hiện có của nhà, công trình khác bị thiệt hại và khoản tiền bằng 10% giá trị hiện có của nhà, công trình đó; nhưng tổng mức bồi thường tối đa không quá 100% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại.

b) Đối với nhà, công trình xây dựng khác bị phá dỡ một phần, mà phần còn lại còn sử dụng được thì được bồi thường phần giá trị công trình bị phá dỡ và chi phí để sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại bằng 30% giá trị bồi thường nhà, công trình khác đã bị phá dỡ.

c) Đối với nhà, công trình xây dựng khác bị phá dỡ một phần, mà phần còn lại không sử dụng được, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm kê khai, tổng hợp và đề nghị cơ quan quản lý chuyên ngành về xây dựng xác nhận, để làm cơ sở bồi thường đối với toàn bộ nhà, công trình xây dựng đó theo quy định tại Điểm a Khoản này.

2. Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành ban hành thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp các ngành, địa phương kiểm kê, lập phương án chi phí đầu tư, thông qua cơ quan chuyên ngành thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 7. Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ (quy định chi tiết Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP).

1. Trường hợp làm thay đổi mục đích sử dụng đất, được bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

2. Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất thì được bồi thường theo tỷ lệ phần trăm (%) mức hạn chế bị ảnh hưởng do hành lang bảo vệ công trình thực tế gây ra; căn cứ vào tình hình thực tế từng dự án và mức độ ảnh hưởng của từng loại công trình, tổ chức làm nhiệm vụ giải phóng mặt bằng phối hợp các ngành chức năng xác định mức độ ảnh hưởng để lập dự toán kinh phí bồi thường, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 8. Bồi thường nhà, công trình đối với người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (quy định chi tiết Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP).

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ, thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu nhà nước và diện tích coi nói trái phép, nhưng được bồi thường 100% giá trị chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp theo giá hiện hành của UBND tỉnh ban hành.

Điều 9. Bồi thường về đất đối với những người đang đồng quyền sử dụng đất (quy định chi tiết Điều 15 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP).

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất chung có đồng quyền sử dụng đất, khi nhà nước thu hồi đất được bồi thường theo diện tích đất thuộc quyền sử dụng; nếu chưa có giấy xác định diện tích đất thuộc quyền sử dụng riêng của từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thì bồi thường chung cho các đối tượng có đồng quyền sử dụng đất.

2. Trường hợp bồi thường chung cho các đối tượng có đồng quyền sử dụng đất, thì tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm tự thỏa thuận phân chia tiền bồi thường về đất; nếu không tự thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Bố trí tái định cư đối với trường hợp đất ở của hộ gia đình, cá nhân bị sạt lở, sụt lún bất ngờ toàn bộ diện tích thửa đất hoặc một phần diện tích thửa đất mà phần còn lại không còn khả năng tiếp tục sử dụng (quy định chi tiết Điểm a Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP).

1. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu được bố trí tái định cư thì được bố trí tái định cư; diện tích đất ở tái định cư được xác định không quá 100 m² đối với khu vực đô thị và không quá 150 m² đối với khu vực nông thôn, nhưng không nhỏ hơn diện tích tối thiểu được tách thửa đất theo quy định của UBND tỉnh.

2. Việc nộp tiền sử dụng đất, miễn, giảm tiền sử dụng đất và các ưu đãi khác được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 11. Bồi thường về di chuyển mồ mã (quy định chi tiết Điều 18 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP).

Mồ mã không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, khi Nhà nước thu hồi đất thì người có mồ mã phải di chuyển được

bố trí đất cải táng và được bồi thường chi phí đào, bốc, di chuyển, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác theo quy định sau:

1. Bồi thường chi phí đào, bốc, di chuyển, xây dựng lại cho từng loại mã:

- Mã đất : 1.870.000 đồng/cái.
- Mã đá, mã xây gạch bán kiên cố (thông dụng) : 3.100.000 đồng/cái.
- Mã xây gạch bán kiên cố có khuôn viên : 3.900.000 đồng/cái.
- Mã xây gạch kiên cố (có cần gạch men hoặc đá mài): 4.680.000 đồng/cái.
- Mã kiểu người Hoa có diện tích trên 100 m² : 5.460.000 đồng/cái.

- Đối với nhà mồ có kết cấu kiên cố hoặc có kiến trúc phức tạp, thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án xem xét, xác định mức bồi thường theo kết cấu xây dựng thực tế hoặc quy theo cấp loại nhà cho từng trường hợp cụ thể, thông qua cơ quan quản lý chuyên ngành về xây dựng (chủ trì phối hợp các ngành liên quan) thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Bố trí đất để cải táng mồ mã tại nghĩa trang nhân dân cấp xã; trường hợp không có nghĩa trang nhân dân cấp xã hoặc tại nghĩa trang nhân dân cấp xã không còn đất cải táng thì được bồi thường tiền để mua đất để cải táng là 4.800.000 đồng/cái.

3. Đối với mồ mã vắng chủ hoặc vô chủ đã quá thời hạn thông báo bốc mộ thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng hợp đồng với đơn vị phục vụ mai táng của địa phương tiến hành bốc mộ cải táng với chi phí không được vượt quá quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

Điều 12. Bồi thường đối với vật nuôi là thủy sản (quy định chi tiết Điểm b Khoản 2 Điều 90 Luật Đất đai).

Trường hợp vật nuôi là thủy sản mà tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch thì được bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm; trường hợp có thể di chuyển được thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển gây ra, mức bồi thường do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng xác định, thông qua cơ quan quản lý chuyên ngành về nông nghiệp (chủ trì phối hợp các ngành liên quan) thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 13. Bồi thường chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất (quy định chi tiết Điều 91 Luật Đất đai).

1. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được bồi thường kinh phí để di chuyển như sau:

a) Mức bồi thường chung:

- Nhà ở bị giải tỏa có diện tích xây dựng dưới 50 m² thì được bồi thường 1.800.000 đồng/hộ.

- Nhà ở bị giải tỏa có diện tích xây dựng từ 50 m² đến 100 m² thì được bồi thường 3.600.000 đồng/hộ.

- Nhà ở bị giải tỏa có diện tích xây dựng trên 100 m² thì được bồi thường 5.400.000 đồng/hộ.

b) Đối với nhà xây dựng trên đất có nguồn gốc lấn chiếm, trên kênh rạch không đủ điều kiện bồi thường về đất thì được xét bồi thường chi phí di chuyển với mức bồi thường theo quy định tại Điểm a Khoản này.

c) Đối với trường hợp nhà bị phá dỡ một phần mà phần diện tích còn lại đủ điều kiện tồn tại (sử dụng được) theo quy định tại Quyết định số 39/2005/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn thi hành Điều 121 Luật Xây dựng và hộ bị ảnh hưởng ở lại trên phần đất chưa thu hồi hết (ổn định tại nơi ở cũ) thì được bồi thường bằng 50% mức bồi thường di chuyển quy định tại Điểm a Khoản này.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc đang sử dụng đất hợp pháp, khi Nhà nước thu hồi mà phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất thì được bồi thường kinh phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt và được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt (nếu có) trên cơ sở phương án được Sở chuyên ngành thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 14. Suất tái định cư tối thiểu đối với trường hợp quy định bằng tiền (quy định chi tiết Điều 27 Nghị định 47/2014/NĐ-CP).

1. Giá trị một suất tái định cư tối thiểu bao gồm giá trị suất đầu tư hạ tầng, giá trị đất nền tái định cư và giá trị nhà.

2. Giá trị suất tái định cư tối thiểu là 120 triệu đồng; giá trị suất đầu tư hạ tầng tính cho một hộ gia đình tại khu tái định cư tập trung là 50 triệu đồng.

Chương III CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Điều 15. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất (quy định chi tiết Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP).

Việc hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất được thực hiện theo quy định sau:

1. Đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất gồm các trường hợp sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất nông nghiệp, lâm nghiệp khi thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ ban hành Bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Nghị định số 02/CP ngày 15 tháng 01 năm 1994 của Chính phủ ban hành Bản quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Nghị định số 85/1999/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số

điều của Bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp và bổ sung việc giao đất làm muối cho hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 1999 của Chính phủ về việc giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.

b) Nhân khẩu nông nghiệp trong hộ gia đình quy định tại Điểm a Khoản này nhưng phát sinh sau thời điểm giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình đó.

c) Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại Điểm a Khoản này nhưng chưa được giao đất nông nghiệp và đang sử dụng đất nông nghiệp do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho, khai hoang theo quy định của pháp luật, được UBND cấp xã nơi có đất bị thu hồi xác nhận là đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp đó.

d) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi Nhà nước thu hồi mà thuộc đối tượng là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp; hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn sống chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó.

đ) Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định sản xuất.

2. Điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định sau:

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân, tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang sử dụng đất thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất quy định tại các Điều 100, 101 và 102 của Luật Đất đai, trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản này.

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích lâm nghiệp, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất.

3. Việc hỗ trợ ổn định đời sống cho các đối tượng quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được

hỗ trợ trong thời gian 06 tháng liền nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng.

Đối với trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng.

b) Diện tích hỗ trợ quy định tại Điểm a Khoản này được xác định theo từng Quyết định thu hồi đất của UBND cấp có thẩm quyền.

c) Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại Điểm a Khoản này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo thường trong một tháng; giá gạo trung bình được căn cứ vào giá gạo trung bình trên địa bàn tỉnh do Cục Thống kê tỉnh thống kê và báo cáo hàng tháng.

4. Hỗ trợ ổn định sản xuất được thực hiện theo quy định sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất cho một vụ đầu, mức hỗ trợ bằng 30% giá trị chi phí các loại bao gồm: Hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp.

b) Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh nhỏ, lẻ thuộc đối tượng quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này mà không có đăng ký kinh doanh (không nộp thuế môn bài) được hỗ trợ ổn định sản xuất 1.000.000 đồng/hộ.

Thu nhập sau thuế được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan thuế chấp thuận; trường hợp chưa được kiểm toán hoặc chưa được cơ quan thuế chấp thuận thì việc xác định thu nhập sau thuế được căn cứ vào thu nhập sau thuế do đơn vị kê khai tại báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối mỗi năm đã gửi cơ quan thuế.

5. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản của các nông, lâm trường quốc doanh thuộc đối tượng quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này thì được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng tiền; mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này.

6. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh

doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động, thời gian hỗ trợ trợ cấp là 06 tháng.

7. Số tiền hỗ trợ quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này được chi trả một lần sau khi có Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND cấp có thẩm quyền.

Điều 16. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (quy định chi tiết Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP).

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi, còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau:

Hỗ trợ bằng tiền bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành tại thời điểm thu hồi đất đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 Luật Đất đai.

2. Căn cứ vào cơ chế, chính sách giải quyết việc làm đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp UBND cấp xã lập phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người trong độ tuổi lao động, trình phê duyệt đồng thời với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Trong quá trình lập phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm phải lấy ý kiến của người thu hồi đất.

Điều 17. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân mà phải di chuyển chỗ ở (quy định chi tiết Điều 21 Nghị định 47/2014/NĐ-CP)

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các Sở, ngành căn cứ vào cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho các nhân khẩu trong độ tuổi lao động hiện có của hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi được Thủ tướng Chính phủ quyết định để xây dựng mức hỗ trợ cụ thể cho từng loại hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, trình UBND tỉnh quy định để làm căn cứ đưa vào phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Điều 18. Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở

(quy định chi tiết Điều 22 Nghị định 47/2014/NĐ-CP).

1. Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường về đất ở nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu thì được hỗ trợ khoản chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu và số tiền được bồi thường về đất.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tự lo được chỗ ở, thì ngoài việc được bồi thường về đất còn nhận được khoản tiền hỗ trợ tái định cư bằng chi phí đầu tư hạ tầng cho một suất tái định cư tối thiểu theo quy định tại Điều 14 của Quy định này.

Điều 19. Hỗ trợ người đang thuê nhà ở không thuộc sở hữu nhà nước (quy định chi tiết Điều 23 Nghị định 47/2014/NĐ-CP).

Hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không phải là nhà thuộc sở hữu nhà nước, khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản với mức hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 13 Quy định này.

Điều 20. Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn (quy định chi tiết Điều 24 Nghị định 47/2014/NĐ-CP).

Trường hợp đất thu hồi thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn thì được hỗ trợ; mức hỗ trợ bằng giá đất nông nghiệp có cùng khu vực, vị trí và mục đích sử dụng trong bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành; tiền hỗ trợ được nộp vào ngân sách nhà nước và được đưa vào dự toán ngân sách hàng năm của xã, phường, thị trấn; tiền hỗ trợ chỉ được sử dụng để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn.

Điều 21. Hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất (quy định chi tiết Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP).

1. Hộ gia đình, cá nhân thuộc các đối tượng sau đây được hỗ trợ một lần khi phải di chuyển đến nơi ở mới, mức hỗ trợ được tính như sau:

a) Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang: 5.000.000 đồng/hộ.

b) Gia đình liệt sĩ, thương, bệnh binh các hạng : 4.000.000 đồng/hộ.

c) Gia đình có công với cách mạng : 3.000.000 đồng/hộ.

Các đối tượng chính sách quy định tại Điểm này phải có giấy chứng nhận theo quy định. Trường hợp hộ gia đình có nhiều đối tượng chính sách được hưởng thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

2. Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng thời hạn quy định

Hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt và bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền và tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về

đất, nhà và công trình, cây trồng và hoa màu từ 2.500.000 đồng trở lên thì được hỗ trợ với mức là 4% giá trị bồi thường, hỗ trợ nhưng không quá mức quy định sau:

a) Hộ chi thiệt hại về đất: 1.000.000 đồng/hộ.

b) Hộ chi thiệt hại về nhà, công trình: 1.000.000 đồng/hộ.

c) Hộ bị thiệt hại về đất làm ảnh hưởng một phần nhà, công trình: 2.000.000 đồng/hộ.

d) Hộ bị thu hồi cả nhà và đất (giải tỏa trắng): 5.000.000 đồng/hộ.

3. Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các Điều 15, 16, 17, 18, 19 và 20 của Quy định này, để tạo điều kiện cho hộ gia đình, cá nhân đảm bảo có chỗ ở, ổn định đời sống sản xuất và công bằng với người thu hồi đất, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm lập phương án hỗ trợ khác thông qua UBND cấp huyện xem xét, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định hỗ trợ cho phù hợp với từng dự án cụ thể.

4. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm lập phương án hỗ trợ thông qua UBND cấp huyện xem xét, trình UBND tỉnh quyết định chính sách hỗ trợ.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm của UBND cấp huyện, cấp xã

1. UBND cấp huyện nơi có đất bị thu hồi

a) Căn cứ kết quả xử lý hồ sơ về đầu tư của cấp có thẩm quyền, ban hành thông báo thu hồi đất theo thẩm quyền; thông báo thu hồi đất bao gồm các nội dung quy định tại Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

b) Chỉ đạo Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng cùng cấp, các đơn vị liên quan tổ chức lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; thực hiện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo thẩm quyền.

c) Phối hợp các Sở, ngành, các tổ chức liên quan và chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng, phương án tạo lập các khu tái định cư tại địa phương theo quy định của pháp luật.

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo thẩm quyền; ban hành các Quyết định: Kiểm đếm bắt buộc; cưỡng chế thực hiện kiểm đếm bắt buộc; cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất; thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thuộc thẩm quyền.

đ) Trước ngày 01 tháng 11 hàng năm, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kết quả thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại địa phương.

2. UBND cấp xã nơi có đất bị thu hồi

a) Chủ trì phối hợp Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, các đoàn thể tổ chức tuyên truyền, phổ biến, vận động người bị thu hồi đất, người di chuyển chỗ ở chấp hành nghiêm Quyết định thu hồi đất của Nhà nước.

b) Phối hợp Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc xác nhận nguồn gốc, tính pháp lý về giấy tờ đất, tài sản của người bị thu hồi.

c) Phối hợp tổ chức làm nhiệm vụ giải phóng mặt bằng thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện đúng trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Quy định này và quy định hiện hành của Nhà nước.

đ) Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã và địa điểm dân cư nông thôn các văn bản pháp lý liên quan, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Điều 23. Trách nhiệm của Sở, ngành tỉnh và các cơ quan liên quan

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Công bố và cung cấp thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các dự án.

b) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, trình UBND tỉnh phê duyệt đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

c) Hướng dẫn việc xác định quy mô diện tích đất, loại đất, vị trí đất thuộc đối tượng được bồi thường hoặc không được bồi thường, mức độ bồi thường hoặc hỗ trợ và tái định cư đối với từng đối tượng sử dụng đất bị thu hồi, làm cơ sở cho việc tính toán bồi thường và hỗ trợ cho từng đối tượng.

d) Phối hợp các Sở, ngành chức năng giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, tổ chức, cộng đồng dân cư liên quan đến bồi thường thực hiện dự án theo thẩm quyền.

đ) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan xác định giá đất cụ thể, trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thẩm định ước khi trình UBND tỉnh phê duyệt, làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

e) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan giải quyết vướng mắc trong xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại.

g) Hướng dẫn giải quyết các vướng mắc về đất đai, việc lập và hoàn chỉnh hồ sơ để xin giao đất, cho thuê đất đối với tổ chức phải di chuyển đến địa điểm mới khi

Nhà nước thu hồi đất; hướng dẫn việc đăng ký biến động về đất, nhà, các công trình trong hành lang bảo vệ công trình công cộng.

h) Thực hiện và kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc UBND cấp huyện trong việc thu hồi đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định hiện hành.

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp Cục Thuế, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành liên quan giải quyết những vướng mắc về thực hiện nghĩa vụ tài chính của người bị thu hồi đất đối với Nhà nước.

b) Hướng dẫn việc phân bổ và kiểm tra việc thực hiện quyết toán sử dụng chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo các quy định hiện hành.

c) Phối hợp các ngành chức năng giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thực hiện dự án.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Là đầu mối tiếp nhận các kiến nghị và hướng dẫn các chủ đầu tư, tổ chức về thủ tục đối với dự án đầu tư, cơ sở xuất kinh doanh phải di chuyển địa điểm thực hiện.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập và thực hiện các dự án tái định cư, khu dân cư, cụm dân cư phù hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính cân đối và điều chỉnh nguồn vốn ngân sách đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và nhu cầu xây dựng khu tái định cư theo kế hoạch được UBND tỉnh giao.

d) Phối hợp các Sở, ngành chức năng giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

4. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn việc xác định quy mô, diện tích, tính hợp pháp, không hợp pháp của các công trình xây dựng gắn liền với đất bị thu hồi, làm cơ sở cho việc tính toán bồi thường và hỗ trợ cho từng đối tượng.

b) Xác định giá nhà và các công trình xây dựng gắn liền với đất để tính bồi thường; giải quyết các vướng mắc liên quan đến việc thu hồi nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước cho các tổ chức, cá nhân.

c) Chủ trì, phối hợp các cơ quan chức năng xác định vị trí, quy mô khu tái định cư phù hợp với quy hoạch phát triển chung của các địa phương để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tham mưu UBND tỉnh xây dựng quy định suất tái định cư tối thiểu quy định bằng đất ở, nhà ở hoặc bằng tiền; suất đầu tư hạ tầng.

d) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan chỉ đạo việc cung cấp mẫu thiết kế nhà ở miễn phí đối với trường hợp được giao đất ở tại khu tái định cư; thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về chất lượng xây dựng các khu tái định cư theo quy định hiện hành.

đ) Phối hợp các đơn vị liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì phối hợp các Sở, ngành xác định giá cây trồng, vật nuôi để tính bồi thường, hỗ trợ; biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và đời sống tại khu tái định cư để tính bồi thường, hỗ trợ.

b) Hướng dẫn xác định quy mô, diện tích, định mức cây trồng, vật nuôi trên đất để làm căn cứ xác định giá cây trồng, vật nuôi.

c) Thẩm định đối với công trình thủy lợi, đê điều, nông - lâm - ngư nghiệp và các công trình thuộc phạm vi quản lý.

d) Xác định tổng mức bồi thường, hỗ trợ, biện pháp hỗ trợ đối với hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, trình UBND tỉnh phê duyệt.

đ) Phối hợp các ngành chức năng giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

6. Sở Công Thương

a) Thẩm tra, thuê hoặc chỉ định tổ chức tư vấn, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện thẩm tra thiết kế các công trình công nghiệp theo quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 7 Điều 5 Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ Xây dựng Quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình; trừ các công trình quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

7. Sở Giao thông vận tải

a) Thẩm định dự toán chi phí di dời và lắp đặt, xây dựng lại hệ thống giao thông.

b) Phối hợp các ngành giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Hướng dẫn việc xác định chế độ trợ cấp đối với người lao động làm việc (theo hợp đồng lao động được ký kết) trong các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất kinh doanh (có đăng ký kinh doanh) bị ngừng sản xuất, kinh doanh do Nhà nước thu hồi đất.

b) Phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện việc đào tạo, chuyển đổi nghề và tạo việc làm cho các hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi có nhu cầu.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quyết định này và chỉ đạo của UBND tỉnh.

9. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh-Truyền hình Sóc Trăng, Báo Sóc Trăng có trách nhiệm phối hợp chủ đầu tư và UBND cấp huyện xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật của nhân dân, góp phần đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện dự án.

10. Thanh tra tỉnh

a) Phối hợp các Sở, ngành liên quan và chủ đầu tư giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thực hiện dự án theo quy định của Luật Khiếu nại và Luật Tố cáo.

b) Kiểm tra, đôn đốc UBND cấp huyện, các Sở, ngành liên quan trong việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

11. Chủ đầu tư dự án

a) Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ dự án và quy hoạch được duyệt theo quy định, bàn giao mốc giới giải phóng mặt bằng cho chính quyền địa phương và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

b) Phối hợp Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, UBND cấp xã nơi thu hồi đất xây dựng kế hoạch thu hồi đất để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Phối hợp các Sở, ngành chức năng và UBND cấp huyện nơi có đất thu hồi trả lời các vấn đề liên quan đến dự án đầu tư khi có yêu cầu.

d) Bảo đảm đầy đủ, kịp thời kinh phí giải phóng mặt bằng và phối hợp Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người bị thu hồi đất sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

12. Tổ chức được giao làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng

a) Tiếp nhận hồ sơ về dự án, quy hoạch, mốc giới, phạm vi giải phóng mặt bằng do chủ đầu tư dự án bàn giao.

b) Chủ trì phối hợp chủ đầu tư, UBND cấp xã nơi có đất thu hồi tiến hành xác định diện tích, vị trí, nguồn gốc đất thu hồi; số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thiệt hại; số nhân khẩu, số lao động trong độ tuổi, số lượng người được hưởng trợ cấp xã hội để tiến hành lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

c) Phối hợp UBND cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; phổ biến và niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại trụ sở UBND cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 69 Luật Đất đai.

d) Lập và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

đ) Liên hệ Sở Xây dựng và Sở Tài nguyên và Môi trường để chuẩn bị quỹ nhà, quỹ đất tái định cư để thực hiện dự án.

13. Các cơ quan khác có liên quan

a) Thẩm định các chi phí liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc chức năng quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình.

b) Tham gia giải quyết những vướng mắc có liên quan khi có yêu cầu.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Xử lý một số vấn đề chuyển tiếp và phát sinh sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành

1. Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng hoặc điều chỉnh theo Quy định này.

2. Đối với những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo Quy định này.

Điều 25. Triển khai thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp các Sở, ngành, UBND cấp huyện triển khai thực hiện, hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định này khi có yêu cầu.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh vướng mắc, các Sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Quy định này cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thành Trí